

Số: 172/2021/QĐST-HNGĐ

ĐT, ngày 30 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 185/2021/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 và thụ lý vụ án bổ sung số 185A/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa:

***Nguyên đơn:** Chị Trần Thị G;
Địa chỉ: Thôn BSD, xã BD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

***Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân L;
Địa chỉ: Thôn BSD, xã BD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Tổ chức tài chính X. Địa chỉ:, khu đô thị mới C, phường D, quận G, thành phố H.

- Người đại diện theo pháp luật: bà Đinh Thị Ánh T, chức vụ: Tổng giám đốc Tổ chức tài chính X (gọi tắt là M7-MFI).

- Người đại diện theo ủy quyền: bà Phùng Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc Tổ chức tài chính X – Chi nhánh ĐT, Quảng Ninh. Địa chỉ: số 518, khu M, phường H, thị xã ĐT, tỉnh Q. (Theo Văn bản ủy quyền số 476/2019/UQ-TGD ngày 12/12/2019).

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 37, các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị G và anh Nguyễn Xuân L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về con chung:** Chị Trần Thị G có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/7/2016 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Xuân L không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Xuân L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. **Chị Trần Thị G** cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Xuân L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về nợ chung:** chị Trần Thị G và anh Nguyễn Xuân L, mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Tổ chức tài chính X số tiền 19.483.000đ (Mười chín triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

*** Về án phí:** Chị Trần Thị G tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và phải chịu 487.075đ (Bốn trăm tám bảy nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) án phí về nghĩa vụ trả nợ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số **0000607** ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã ĐT; **Chị G còn phải nộp số tiền 337.075đ (Ba trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng).**

Anh Nguyễn Xuân L phải chịu 487.075đ (Bốn trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng) án phí về nghĩa vụ trả nợ.

Trả lại cho Tổ chức tài chính X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 974.000đ (Chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số **0000632** ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã ĐT.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã ĐT;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã ĐT;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã BD);
- Lưu HS;VP.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thịnh